Bác sĩ Bùi Th□ Nga -□

Đ□I C□□NG

Th□y đ□u là m□t b□nh nhi□m trùng truy□n nhi□m d□ lây lan, do virus Varicella zoste (VZV). Bi□u hi□n lâm sàng chính là s□t và phát ban d□ng b□ng n□□c □ da và niêm m□c. Lây truy□n ch□ y□u tr□c ti□p t□ ng□□i sang ng□□i qua đ□□ng hô h□p, m□t s□ ít lây qua ti□p xúc tr□c ti□p v□i b□ng n□□c. B□nh th□□ng x□y ra □ tr□ em, có th□ bi□u hi□n n□ng □ ng□□i l□n, đ□c bi□t là ph□ n□ có thai (PNCT), đây là m□t m□i liên quan s□n khoa đáng quan tâm.

Bi□u hi□n lâm sàng trên PNCT không khác bi□t nhi□u v□i các nhóm đ□i t□□ng khác. PNCT b□ th□y đ□u có th□ bi□u hi□n s□t cao mu□n nh□t sau 14 ngày b□ nhi□m virus. Các t□n th□□ng da th□□ng giúp ch□n đoán b□nh trên lâm sàng. T□n th□□ng da b□t đ□u xu□t hi□n 24 - 48 gi□ sau s□t. Ch□n đoán xác đ□nh th□□ng d□a trên ti□n s□ ti□p xúc, di□n ti□n lâm sàng, và các t□n th□□ng da là các b□ng n□□c nhi□u l□a tu□i khác nhau trên m□t di□n tích da t□i m□t th□i đi□m, không c□n đ□n c□n lâm sàng. Tuy nhiên, m□t s□ xét nghi□m nh□ PCR phát hi□n virus, huy□t thanh ch□n đoán,... có th□ h□u ích trong m□t s□ tr□□ng h□p th□y đ□u không đi□n hình.

NH□NG BI□N CH□NG QUAN TR□NG C□A B□NH TH□Y Đ□U KHI PH□ N□ CÓ THAI M□C PH□I:

Th□y đ□u □ tr□ em th□□ng t□ gi□i h□n, ít bi□n ch□ng h□n so v□i ng□□i l□n, PNCT càng tăng nguy c□ bi□n ch□ng. T□ l□ t□ vong và b□nh t□t cao nh□t đ□i v□i th□y đ□u trong thai k□ th□□ng liên quan H□i ch□ng Varicella b□m sinh (CVS), viêm ph□i th□y đ□u c□a m□, và nhi□m Varicella s□ sinh. Sinh non và s□y thai t□ nhiên 3 tháng đ□u th□□ng không liên quan đ□n b□nh th□y đ□u trong thai k□.

1. H□i ch□ng Varicella b□m sinh: th□□ng g□p □ 20 tu□n thai đ□u tiên, đã có ghi nh□n tr□□ng h□p □ tu□n thai 20-28, ch□a có tr□□ng h□p nào báo cáo □ m□ có thai sau tu□n thai th□ 28. Đ□c đi□m lâm sàng c□a CVS là t□n th□□ng đa h□ th□ng có ch□n l□c:

- Da: s□o da.
- Chi: gi□m s□n chi, teo c□, gi□m tr□□ng l□c c□.
- Th□n kinh: t□t đ□u nh□, não úng th□y, teo v□ não, ch□m phát tri□n tâm th□n, co gi□t.
- M□t: t□t m□t nh□, viêm màng m□ch - võng m□c, đ□c th□y tinh.
- B□t th□□ng c□a đ□□ng tiêu hóa, đ□□ng ti□t ni□u, h□ th□ng tim m□ch.

Ch□n đoán ho□c CVS tr□□c sinh: xét nghi□m PCR DNA VZV máu thai nhi ho□c cu□ng r□n hi□n là ph□□ng pháp đ□□c l□a ch□n đ□ xác đ□nh ch□n đoán, k□t h□p v□i các d□u hi□u b□t th□□ng khi siêu âm □ tu□n thai th□ 5 k□ t□ th□i đi□m thai ph□ phát ban.

Ch□n đoán CVS sau sinh: d□a vào

+ Ti□n s□ m□c th□y đ□u c□a m□ trong 2 quý đ□u c□a thai k□ cùng v□i các t□n th□□ng da b□m sinh, có hay không có các d□u hi□u th□n kinh, d□ t□t m□t, bi□n d□ng tay chân, co gi□t □ tr□ s□ sinh...,

+ Phát hi□n DNA VZV □ thai nhi ho□c tr□ s□ sinh, ho□c huy□t thanh ch□n đoán có s□ t□n t□i c□a IgM VZV trong máu thai nhi ho□c cu□ng r□n; IgG VZV sau 7 tháng tu□i. Tuy nhiên huy□t thanh ch□n đoán có đ□ nh□y, đ□ đ□c hi□u th□p không đ□□c khuy□n cáo trong ch□n đoán.

+ M□c b□nh Zona s□m trong kho□ng tháng tu□i th□ 2 đ□n tháng th□ 41: g□n 20% tr□ s□ sinh b□ nhi□m VZV trong t□ cung ti□n tri□n thành b□nh Zona s□m sau sinh.

2. Viêm ph□i th□y đ□u c□a m□:

Thai ph□ b□ th□y đ□u có nguy c□ cao b□ viêm ph□i th□y đ□u và nguy c□ tăng theo tu□i thai, th□□ng b□t đ□u 3 - 5 ngày sau phát ban. PNCT b□ viêm ph□i do VZV ph□i nh□p vi□n theo dõi và b□t đ□u đi□u tr□ b□ng thu□c kháng virus, có t□i 40% tr□□ng h□p c□n th□ máy và tr□□ng h□p n□ng có th□ t□ vong. Ch□n đoán d□a ch□ y□u vào lâm sàng: thai ph□ có s□t, t□n th□□ng da c□a th□y đ□u, các tri□u ch□ng v□ hô h□p (ho, ho ra máu, khó th□, ph□i có ran...), đ□c bi□t Xquang và c□t l□p vi tính r□t h□n ch□ □ PNCT.

3. Nhi□m Varicella s□ sinh:

Th□y đ□u trong thai k□ mu□n, kho□ng 5 ngày tr□□c sinh và 2 ngày sau sinh, có th□ d□n đ□n b□nh th□y đ□u □ tr□ s□ sinh tr□□c khi mi□n d□ch th□ đ□ng truy□n t□ m□ sang con, và ph□n □ng mi□n d□ch qua trung gian t□ bào c□a tr□ không đ□ đ□ ngăn ng□a s□ lân lan c□a VZV. Th□i k□ □ b□nh tính t□ khi b□t đ□u phát ban □ m□ cho đ□n khi phát ban □ tr□ s□ sinh. Theo đó, th□y đ□u s□ sinh □ 10-12 ngày đ□u đ□i là do lây truy□n trong t□ cung, còn sau đó là nhi□m trùng sau sinh. T□ l□ t□ vong c□a b□nh th□y đ□u s□ sinh th□p, tr□ tr□□ng h□p tr□ s□ sinh < 28 tu□n tu□i ho□c < 1000gr cân n□ng có nguy c□ ti□n tri□n n□ng.

QU□N LÝ TH□Y Đ□U TRONG THAI K□

1. Thu□c kháng virus dùng trong nhi□m trùng VZV: Trong ph□m vi bài vi□t ch□ đ□ c□p đ□n Acyclovir (adenine guanosine)

B□nh th□y đ□u là b□nh di□n ti□n lành tính. Thu□c kháng virus th□□ng s□ d□ng nh□m rút ng□n th□i gian b□nh, và h□n ch□ bi□n ch□ng nh□ viêm ph□i th□y đ□u, bi□n ch□ng n□i t□ng, đ□c bi□t □ b□nh nhân HIV/AIDS, PNCT, ng□□i ghép t□y ho□c ghép c□ quan, ng□□i đang dùng corticoides,... Tuy nhiên, do kh□ năng b□ th□y đ□u n□ng có th□ g□p □ tr□ v□ thành niên và ng□□i l□n nên C□ quan ki□m soát Th□c ph□m và D□□c ph□m Hoa K□ (FDA) đ□ ngh□ thu□c kháng virus cho các đ□i t□□ng này. Ngoài rút ng□n th□i gian, thu□c có kh□ năng làm gi□m t□n th□□ng da m□i kho□ng 25%, làm gi□m tri□u ch□ng th□c th□ khác □ kho□ng 1/3 b□nh nhân.

FDA phân lo□i nguy c□ c□a thu□c khi s□ d□ng trong thai k□ theo các m□c đ□ A, B, C, D, X. Acyclovir đ□□c x□p vào m□c đ□ B, nghĩa là các nghiên c□u v□ sinh s□n trên đ□ng v□t không cho th□y nguy c□ đ□i v□i thai nh□ng không có nghiên c□u ki□m ch□ng trên PNCT.

C□ quan Qu□n lý D□□c Ph□m Úc (TGA) phân lo□i m□c đ□ an toàn B3: thu□c đ□□c s□ d□ng trên m□t s□ l□□ng gi□i h□n ph□ n□ mang thai ho□c ph□ n□ trong đ□ tu□i sinh đ□ mà không quan sát th□y s□ gia tăng d□ t□t thai nhi ho□c các tác h□i tr□c ti□p ho□c gián ti□p khác lên thai nhi. Các nghiên c□u trên đ□ng v□t đã cho th□y có b□ng ch□ng thu□c làm tăng t□n th□□ng đ□n thai nhi, nh□ng ch□a ch□c ch□n v□ m□c đ□ ý nghĩa c□a b□ng ch□ng này v□i ng□□i.

Trên th□c t□, đã có m□t s□ nghiên c□u theo dõi □nh h□□ng c□a Acyclovir trên thai nhi, k□t qu□ cho th□y thu□c không làm tăng nguy c□ d□ t□t bào thai nói chung.

Li□u u□ng 800mg/l□n x 5 l□n/ngày trong 5-7 ngày.

Tr□□ng h□p có bi□n ch□ng thai k□ nghiêm tr□ng nh□ viêm ph□i, □u tiên tiêm tĩnh m□ch: 10-15mg/kg m□i 8h trong 5-10 ngày

Thu□c có hi□u qu□ nh□t n□u b□t đ□u trong vòng 24-72 gi□ sau phát ban.

2. Phòng ng□a:

a. T□o mi□n d□ch ch□ đ□ng

Tiêm v□c xin phòng ng□a th□y đ□u, là lo□i virus s□ng gi□m đ□ng l□c, l□i khuyên là nên tiêm tr□□c khi d□ đ□nh có thai ít nh□t t□ 1-3 tháng.

b. T□o mi□n d□ch th□ đ□ng:

Globulin mi□n d□ch nh□ VZIG (herpes-zoster immune), m□c đích phòng ng□a t□m th□i ho□c c□i thi□n m□c đ□ n□ng c□a th□y đ□u. VZIG nên dùng trong vòng 72 gi□ ho□c có th□ trong 96 gi□ sau khi ti□p xúc. M□t s□ khuy□n ngh□ t□i đa trong 10 ngày t□ khi ti□p xúc v□i virus. VZIG không hi□u qu□ và không nên dùng khi đã có tri□u ch□ng lâm sàng.

Li□u l□□ng: 125 đ□n v□/10kg, t□i đa 625 đ□n v□.

Ngu□n: D□ch t□ www.ncbi.nlm.nih.gov